

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HC-PT

Ngày: 16/01/2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi
Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm
Ông Phạm Văn Hợp

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 273/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Lê Hồng D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng V - Chủ tịch UBND huyện T, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Sinh Q - Chủ tịch UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn S**, công chức địa chính - nông nghiệp và ông **Huỳnh Việt C**, công chức địa chính - xây dựng - môi trường UBND xã N, vắng mặt.

Địa chỉ: **Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**.

2. Bà **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1966, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông **Lê Quang T**, sinh năm 1991, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông **Lê Anh Q1**, sinh năm 1996, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông **Lê Hồng D**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2023, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông **Lê Hồng D** trình bày:

Ông là người sử dụng thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, tại địa chỉ **thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**. Ngày 31/12/2020, UBND huyện T ra Quyết định số 10132/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623 (**Quảng Ngãi - T**), giai đoạn 2, qua đoạn **xã N, huyện T** và Quyết định số 10196/ QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông. Quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ nêu trên đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Vì những lý do sau:

- **UBND huyện T** xác định không đúng mục đích sử dụng đất đối với phần đất thu hồi 25,6m²:

Trong Quyết định thu hồi đất số 10132/QĐ-UBND, **UBND huyện T** đã xác định 25,6m² đất thu hồi của ông là đất trồng cây hàng năm. Thực tế, thửa đất được gia đình ông sử dụng với mục đích là đất ở từ năm 1984, đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định. Căn cứ theo bản đồ địa chính năm 2010 đã thể hiện rõ toàn bộ thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, địa chỉ tại **xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi** là đất ở (ONT). Như vậy, **UBND huyện T** thu hồi 25,6m² đất của ông, loại đất trồng cây hàng năm là sai.

- **UBND huyện T** không bố trí tái định cư cho ông theo quy định pháp luật: theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của **UBND tỉnh Q** về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, quy định về các trường hợp được tái định cư: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi bao gồm cả các loại đất khác trong cùng thửa đất ở đủ điều kiện chuyển mục đích sang đất ở dưới 40m² đối với khu vực đô thị và 100m² đối với khu vực nông thôn mà không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi*”.

Theo đó, trường hợp của ông, đất thu hồi ở khu vực nông thôn, do đó đã được bố trí tái định cư cần đáp ứng hai điều kiện sau:

- + Diện tích đất thu hồi có mục đích sử dụng là đất ở;
- + Diện tích đất còn lại sau thu hồi dưới 100m².

- Về diện tích đất thu hồi có mục đích sử dụng là đất ở: Căn cứ theo bản đồ địa chính năm 2010, đã thể hiện rõ toàn bộ thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, địa chỉ tại **xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi** là đất ở (ONT). Biên bản làm việc ngày 09/6/2023 của **UBND xã N** về việc xác minh quá trình sử dụng đất của ông cũng đã thể hiện được đất của ông là đất ở. Từ các căn cứ trên thì phần đất thu hồi 25,6m² của ông có mục đích sử dụng là đất ở.

- Về diện tích đất còn lại sau thu hồi dưới 100m²: Tổng diện tích đất mà ông có quyền sử dụng là 126,4m² - 25,6m² (diện tích đất thu hồi) - 15,44m² (diện tích đất thuộc đất thủy lợi và hành lang kênh N2) = 85,36m² (dưới 100m²).

Từ những căn cứ trên, ông hoàn toàn đủ điều kiện được bố trí định cư theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, **UBND huyện T** đã không bố trí tái định cư cho ông theo quy định, trong Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T** về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông cũng không nhắc đến vấn đề bố trí tái định cư cho ông.

Ông đã làm đơn khiếu nại Quyết định số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T** về việc thu hồi đất gửi đến cơ quan các cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch **UBND huyện T** và Chủ tịch **UBND tỉnh Q** đối với đơn khiếu nại của ông như sau: Quyết định giữ nguyên quyết định thu hồi đất số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T**. Theo đó, yêu cầu bố trí tái định cư của ông vẫn không được chấp nhận vì **UBND huyện T** cho rằng 25.6m² diện tích đất thu hồi là đất trồng cây hàng năm nên ông không đủ điều kiện được bố trí tái định cư. Mặc dù, **UBND huyện T** đã thực hiện việc xác minh lại nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông và **UBND xã N** cũng đã có xác nhận về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông. Tuy nhiên, **UBND huyện T** đã không sử dụng kết quả xác minh đó để làm căn cứ xác định đất của ông là đất ở.

Như vậy, **UBND huyện T** đã vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật trong việc thực hiện thu hồi đất và bồi thường đất đối với thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11 của ông, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy, ông làm đơn này yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T** về việc thu hồi đất của hộ ông **Lê Hồng D** (vợ bà **Nguyễn Thị C1**) để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (**Quảng Ngãi - T**), giai đoạn 2, đoạn qua **xã N, huyện T**.

- Hủy Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Hồng D (vợ bà Nguyễn Thị C1); địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Buộc UBND huyện T bố trí cho ông 01 lô tái định cư theo đúng quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 05/10/2023 và tại phiên tòa, ông Lê Hồng D khẳng định không khởi kiện đối với quyết định số 8623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông.

* Tại Văn bản số 3368/UBND ngày 15/11/2023 và Văn bản số 549/UBND ngày 07/3/2024, người bị kiện UBND huyện T trình bày:

Ông Lê Hồng D sử dụng thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/7/2016, tại thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11 (bản đồ VLAP 2010), diện tích 76m², mục đích sử dụng: Đất ở. Theo bản đồ đo đạc bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - T), giai đoạn 2, diện tích thửa đất là 126,4m² (trong đó phần diện tích đất được công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích chủ sử dụng đất là 50,4m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác).

UBND huyện ban hành Thông báo số 3038/TB-UBND ngày 26/9/2018 thu hồi đất của ông Lê Hồng D để thực hiện dự án tại thửa đất trên, diện tích dự kiến thu hồi 21m². Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án ngày 20/11/2018, có đại diện Ban Q2 xây dựng các công trình giao thông tỉnh, UBND xã N, ông Lê Hồng D thống nhất ký tên, cho thấy: Diện tích thửa đất là 126,4m², thuộc thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi là: 0m² trong giấy chứng nhận và 25,6m² từ giấy chứng nhận đến ranh giới đường.

Trên cơ sở đề nghị của Ban Q2 xây dựng các công trình giao thông tỉnh, UBND xã N và phòng T1, UBND huyện ban hành Công văn số 2975/UBND ngày 25/12/2020 công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với phần diện tích chưa cấp giấy chứng nhận (đợt 5) để thực hiện dự án, trong đó có trường hợp hộ ông Lê Hồng D có số thứ tự 24 trong danh sách kèm theo Công văn, diện tích công nhận là 50,4m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (trong đó có 25,6m² đất trồng cây hàng năm khác quy hoạch để thực hiện dự án).

Phần diện tích 50,4m² loại đất trồng cây hàng năm khác nằm ở vị trí: Từ ranh giới đường tỉnh lộ 623B theo hướng Bắc đến giáp cạnh của thửa đất 1304, tờ bản đồ số 11 (cạnh phía Nam) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp có số phát hành BY 271386 ngày 20/7/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Lê Hồng D. Đối với phần diện tích đất thu hồi 25,6m² thuộc một phần diện tích của 50,4m² nằm ở vị trí: Từ ranh giới đường

tỉnh lộ 623B theo hướng Bắc, có cạnh phía Tây từ ranh giới đường theo hướng Bắc là 3,08m và cạnh phía Đông từ ranh giới đường theo hướng Bắc là 3,75m (Phần diện tích có ký hiệu B theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Đ thực hiện năm 2018).

Ngày 31/12/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 10169/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 5) để thực hiện dự án, tổng diện tích thu hồi 1.639m² (trong đó: Diện tích thu hồi trong quy hoạch 1.639m², diện tích thu hồi ngoài quy hoạch 0m²), tổng số hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng là 66 trường hợp; Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho ông Lê Hồng D, tổng số tiền là 31.566.835 đồng và Quyết định số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 thu hồi đất của hộ ông Lê Hồng D để thực hiện dự án, diện tích thu hồi 25,6m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa đất số 1304 tờ bản đồ số 11.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ cho thấy, về trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đối với trường hợp của ông Lê Hồng D là phù hợp với quy định. Việc ông Lê Hồng D yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 10132/QĐ-UBND và Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện T và buộc UBND huyện T bố trí cho ông một lô tái định cư, nội dung này kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

* Tại Công văn số 109/UBND ngày 22/5/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã N trình bày: Không có ý kiến và không có tài liệu liên quan.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 07/11/2023 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C1, anh Lê Quang T, anh Lê Anh Q1 trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện ông Lê Hồng D.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 11 và các Điều 62, 66, 69, 74, 75, 76, 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các Quyết định của UBND tỉnh Q: Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017; số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017; quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 và Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng D về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Hồng D (vợ bà Nguyễn Thị C1) để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - T), giai đoạn 2, đoạn qua xã N, huyện T.

- Hủy Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Hồng D (vợ bà Nguyễn Thị C1); Địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Buộc UBND huyện T bố trí cho ông một lô tái định cư theo đúng quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2024, người khởi kiện ông Lê Hồng D kháng cáo với lý do cho rằng Bản án sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Hồng D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hồng D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Lê Hồng D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Kháng cáo của ông D là hợp lệ, trong thời hạn pháp luật quy định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét về nguồn gốc, diện tích, loại đất, quá trình chỉnh lý, biến động đối với thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, xã N mà ông Lê Hồng D khiếu kiện, xét thấy:

Ngày 30/11/2004, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) cho hộ ông Lê Hồng D đối với thửa đất số 1045, tờ bản đồ số 12 (bản

đồ đo vẽ năm 1993), diện tích 30m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Ngày 16/6/2016, ông **Lê Hồng D** làm đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nội dung đơn thể hiện thông tin thửa đất mới thay đổi là thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, diện tích 121,8m², trong đó có 45,8m² đất hành lang đường. Tại Thông báo về việc công khai hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/6/2023, Biên bản về việc kết thúc công khai hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/7/2016 của **UBND xã N** đều thể hiện trong diện tích 121,8m², có 45,8m² đất hành lang đường. Ngày 20/7/2016, **Sở T** đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lê Hồng D** đối với thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11 (bản đồ VLAP 2010), diện tích 76m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 30m², đất trồng cây hàng năm khác 46m². Ngày 24/10/2016, **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện T** chỉnh lý trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **Sở T** cấp ngày 20/7/2016 cho hộ ông **Lê Hồng D**, nội dung chỉnh lý chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác thành đất ở với diện tích 46m². Như vậy, phần diện tích 45,8m² đất hành lang đường không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Lê Hồng D**.

Tại Công văn số 446/CNTP ngày 19/4/2023 của **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện T**, lý giải nguyên nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 cho hộ ông **Lê Hồng D** không có phần diện tích hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông là do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2004 (lần đầu) không cấp phần diện tích hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông nên khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 không cấp phần diện tích đất hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông. Như vậy, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, **xã N** của ông **Lê Hồng D** có diện tích là 76m², loại đất ở tại nông thôn (ONT).

[2.2] Xem xét Quyết định thu hồi đất số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T** Thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) giai đoạn 2; ngày 26/9/2018, **UBND huyện T** ban hành Quyết định thu hồi đất số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T**, hộ ông **Lê Hồng D** bị thu hồi diện tích 25,6m² đất tại thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 11, **xã N**, loại đất thu hồi là đất trồng cây hàng năm khác; trong đó: 0m² trong ranh giới hiện trạng thửa đất, 25,6m² loại đất BHK ngoài ranh giới hiện trạng thửa đất và không nằm trong phạm vi diện tích đất ở của ông **D**.

[2.3] Xem xét Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T** về bồi thường, hỗ trợ cho ông **Lê Hồng D**, xét thấy:

Tại Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 **UBND huyện T** bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho ông **Lê Hồng D**, tổng số tiền là 31.566.835, trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất 5.555.200 đồng; bồi thường nhà, vật kiến trúc

24.258.700 đồng; bồi thường cây cối, hoa màu: 540.000 đồng; các khoản hỗ trợ khác 1.212.935 đồng, quá trình thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ UBND huyện T đã áp dụng Điều 5, Điều 6, khoản 19 Điều 26 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024); Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q Ban hành mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 12/8/2017 của UBND tỉnh Q Ban hành quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, để bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu là đúng quy định, phù hợp với diện tích, loại đất theo Quyết định thu hồi và tài sản, vật kiến trúc đã kiểm kê.

[2.4] Xem xét yêu cầu buộc UBND huyện T bố trí cho ông một lô tái định cư, xét thấy: Như đã phân tích ở phần trên, Nhà nước chỉ thu hồi diện tích 25,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK), do vậy, hộ ông D không đủ điều kiện để cấp đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29, Điều 31 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng D là có căn cứ, đúng pháp luật, tại giai đoạn phúc thẩm, ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông D, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm: Không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, ông Lê Hồng D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê Hồng D, giữ nguyên Quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng Điều 11 và các Điều 62, 66, 69, 74, 75, 76, 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các Quyết định của UBND tỉnh Q: Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017; Quyết định số 49/2017/QĐ-

UBND ngày 18/8/2017; Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 và Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Hồng D** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 10132/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T** về việc thu hồi đất của hộ ông **Lê Hồng D** (vợ bà **Nguyễn Thị C1**) để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (**Quảng Ngãi - T**), giai đoạn 2, đoạn qua **xã N, huyện T**.

- Hủy Quyết định số 10196/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của **UBND huyện T** về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Lê Hồng D** (vợ bà **Nguyễn Thị C1**); địa điểm: **xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**.

- Buộc **UBND huyện T** bố trí cho ông một lô tái định cư theo đúng quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; ông **Lê Hồng D** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng tại Biên lai số 0004205 ngày 04/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trương Công Thi